

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM  
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1407~~./BC-ABIC-ĐTV

Hà Nội, ngày ~~14~~ tháng 03 năm 2022

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên Công ty: *Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp*  
Năm báo cáo: 2021

### **I. Thông tin chung**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên tiếng việt: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
- Tên giao dịch: Bảo hiểm Agribank
- Tên viết tắt: ABIC
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 38GP/GPĐC6/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/02/2022.
- Vốn điều lệ: 431.578.150.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy - Cầu Giấy- Hà Nội
- Số điện thoại: 0246.2990.055
- Số Fax: 0246.2580.055
- Website: Abic.com.vn
- Mã cổ phiếu: ABI

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) được thành lập theo giấy phép số: 38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/10/2006, Công ty chính thức khai trương hoạt động ngày 08/08/2007. Từ năm 2009 đến 2021 Công ty luôn đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm cao hơn mức tăng trưởng bình quân trên thị trường.

Kết thúc năm tài chính năm 2021 Công ty đạt doanh thu phí bảo hiểm gốc 1.957,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 340,7 tỷ đồng.

#### **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ; Đầu tư tài chính và ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty được phép hoạt động trong và ngoài nước theo quy định pháp luật.

#### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

ABIC tổ chức quản trị kinh doanh theo mô hình của Công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức và mạng lưới kinh doanh của Công ty như sau:

##### **3.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty**

**Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ

đồng. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 thành viên (danh sách các thành viên HĐQT tại mục **V. Quản trị Công ty**).

**Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên (danh sách Ban kiểm soát tại mục **V. Quản trị Công ty**).

**Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Danh sách Ban Tổng giám đốc tại điểm **2. Mục II**.

**Các Phòng Ban Công ty:**

- Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ;
- Ban Quản lý rủi ro;
- Phòng BH Tài sản kỹ thuật;
- Phòng BH Hàng hải;
- Phòng BH Phi Hàng hải;
- Phòng Tái bảo hiểm;
- Phòng Quản lý đại lý và PTHT;
- Phòng Giám định bồi thường;
- Phòng Kế toán - Tài chính;
- Phòng Đầu tư vốn;
- Phòng Tổ chức hành chính;
- Phòng Thư ký Pháp chế;
- Phòng Công nghệ thông tin;
- Phòng Kinh doanh;
- Phòng Nghiên cứu Phát triển và Truyền thông.

**3.2. Mạng lưới hoạt động của Công ty**

**3.2.1 Trụ sở chính ABIC**

- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

- Điện thoại: 0246.2990.055 Fax: 0246.2580.055

**3.2.2 Chi nhánh ABIC TP Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: 38 Phan Đăng Lưu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP HCM

- Điện thoại: 0283.8249.797 Fax: 0283.8249.855

**3.2.3 Chi nhánh ABIC Hà Nội**

- Địa chỉ: Tầng 3- 343 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.7622.555 Fax: 0243.7622.055

**3.2.4 Chi nhánh ABIC Đà Nẵng**

- Địa chỉ: Số 1 Tống Phước Phổ, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

- Điện thoại: 0236.3699.222 Fax: 0236.3699.224

**3.2.5 Chi nhánh ABIC Nghệ An**

- Địa chỉ: Số 371A Nguyễn Văn Cừ, TP Vinh, Nghệ An

- Điện thoại: 0238.3833.366 Fax: 0238.3837.766

**3.2.6 Chi nhánh ABIC Đắk Lắk**

- Địa chỉ: Số 06 Trần Hữu Dực, Phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

- Điện thoại: 0262.3957.695 Fax: 0262.3926.567

### 3.2.7 Chi nhánh ABIC Hải Phòng

- Địa chỉ: T6 số 62-64 Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng
- Điện thoại: 0255.3637.555 Fax: 0255.3719.555

### 3.2.8 Chi nhánh ABIC Khánh Hòa

- Địa chỉ: Số 45 Lam Sơn, Phường Phước Hòa, TP Nhà Trang, Khánh Hòa.
- Điện thoại: 0258.3510.066 Fax: 0258.3510.077

### 3.2.9 Chi nhánh ABIC Cần Thơ

- Địa chỉ: Số 481 đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ.
- Điện thoại: 0292.3782.266 Fax: 0292.3782.288

### 3.2.10 Chi nhánh ABIC Thanh Hóa

- Địa chỉ: Tầng 2 số 11 Phan Chu Chinh, Phường Điện Biên, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa
- Điện thoại: 0237.3718.456 Fax: 0237.3717.718

### 3.2.11 Chi nhánh ABIC Phú Thọ

- Địa chỉ: Số 1674 đại lộ Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP Việt Trì, Phú Thọ
- Điện thoại: 0210.3818.528 Fax: 0210.3818.529

### 3.2.12 Chi nhánh ABIC Thăng Long

- Địa chỉ: Số 55 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 0243.2077.668 Fax: 0243.2021.668

### 3.2.13 Chi nhánh ABIC Sài Gòn

- Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Aloha, số 24 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0283.5358.016 Fax: 0283.5358.015

## 4. Định hướng phát triển

### 4.1. Về phát triển sản phẩm dịch vụ:

- Về kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng: ABIC đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp bảo hiểm có mô hình kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng với vị thế hàng đầu trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

- Thông qua các biện pháp nghiệp vụ bảo hiểm, ABIC tích cực góp phần giảm thiểu rủi ro, tổn thất về vốn và tài sản của Agribank đặc biệt là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Góp phần đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, tăng nguồn thu nhập dịch vụ của hệ thống Agribank thông qua hoạt động Dịch vụ Đại lý Bảo hiểm.

- Hình thành kênh huy động vốn thường xuyên, có tính ổn định của Agribank thông qua nguồn phí bảo hiểm thu được từ ABIC.

- Về sản phẩm: Phát triển các sản phẩm bảo hiểm liên kết với các sản phẩm Ngân hàng để khai thác tối đa tiềm năng của Agribank; dành nguồn lực hợp lý phối hợp nhà Tái bảo hiểm quốc tế phát triển các sản phẩm bảo hiểm Nông nghiệp bảo vệ vốn tín dụng của Agribank phục vụ khu vực Nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

### 4.2. Về hiệu quả kinh doanh:

- Ngoài việc đáp ứng cơ bản các chỉ tiêu đo lường, đánh giá và xếp loại của Bộ Tài chính, ABIC xây dựng các chỉ tiêu đánh giá hoạt động theo nhóm nghiệp vụ đối với từng đơn vị làm cơ sở cho công tác quản trị và điều hành.

- Về doanh thu, ABIC phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân từ 10-15%/năm.

- Về lợi nhuận, phấn đấu tăng trưởng trung bình từ 3-10%/năm.
- Về cổ tức, đảm bảo tỷ lệ ngang bằng với mức chi trả của thị trường bảo hiểm (phần đầu tối thiểu 14%/1 cổ phần).

**4.3. Về năng lực cạnh tranh:** Duy trì trong nhóm 10 doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh có hiệu quả.

**4.4. Về quản trị rủi ro:** Đảm bảo các hoạt động được đánh giá, kiểm soát thường xuyên bằng quy trình, đủ cán bộ để kiểm tra; thực hiện kiểm soát từ xa; xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ theo từng mảng nghiệp vụ; nâng cao tính tuân thủ nội bộ.

**4.5. Quản trị điều hành:**

- Ổn định về tổ chức, điều chỉnh lại mô hình tổ chức tại Trụ sở chính và Chi nhánh theo hướng ít gây xáo trộn; tách công tác khai thác khỏi bồi thường; tách công tác quản lý nghiệp vụ ra khỏi kinh doanh trực tiếp; đảm bảo minh bạch và kiểm soát được rủi ro; áp dụng được các quy trình chuẩn từ khai thác, bồi thường, tái bảo hiểm.

- Đảm bảo Trụ sở chính có khả năng giám sát hoạt động tốt đối với Chi nhánh; ban hành đầy đủ các cơ chế quy chế nội bộ, phân cấp phân quyền hợp lý phù hợp với năng lực điều hành của từng chi nhánh trên cơ sở đánh giá hàng năm.

- Thực hiện phân cấp phân quyền cho các đơn vị theo nhóm nghiệp vụ theo năng lực quản lý của từng Chi nhánh. Các tiêu chí đánh giá sẽ được xem xét lại khi kết thúc năm tài chính, làm cơ sở cho việc phân cấp và giao kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo.

- Kiện toàn đủ nhân sự các cấp từ Ban điều hành đến các phòng, ban nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển.

**4.6. Về thị trường khách hàng:** ABIC trở thành doanh nghiệp đi đầu trong phát triển hoạt động kinh doanh vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phấn đấu, duy trì thường xuyên từ 2 đến 3 triệu hộ nông dân được bảo hiểm gắn với hoạt động cấp tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn của Agribank.

**5. Các rủi ro**

Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Phần lớn các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Công ty.

Công ty cũng áp dụng mức trách nhiệm tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể,

cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ). Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Về rủi ro tài chính: Toàn bộ danh mục đầu tư tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định do vậy Công ty không có rủi ro về thay đổi lãi suất. Phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng VND đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	KH 2021	Thực hiện 2021	TL hoàn thành KH	Tăng trưởng	
						Giá trị	tỷ lệ
I/	Doanh thu bán hàng	2.043.355	2.181.000	2.084.696	95,6%	41.064	2,0%
1	Doanh thu phí BH gốc	1.905.661	2.058.000	1.957.310	95,1%	51.649	2,7%
2	Doanh thu nhận tái BH	277	3.000	2.501	83,4%	2.224	803,0%
3	Doanh thu đầu tư TC	137.694	123.000	124.884	101,5%	-12.810	-9,3%
II/	Lợi nhuận trước thuế	366.399	300.000	340.981	113,7%	-25.417	-6,9%
III/	Cổ tức	18%	14%				

Ghi chú: Năm 2021 doanh thu bán hàng thấp hơn gần 99 tỷ đồng so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ quyết nghị nhưng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt 40,98 tỷ đồng so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do mức trích lập dự phòng nghiệp vụ thực tế chỉ 3,32% thấp hơn so với kế hoạch (DPP kế hoạch 6%).

### 2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân của Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Hải	Tổng Giám đốc	0,16	
2	Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng giám đốc	0,00	
3	Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng giám đốc	0,01	
4	Mai Sinh	Phó Tổng giám đốc	0,00	
5	Quách Tá Khang	Phó Tổng giám đốc	0,09	

Tóm tắt lý lịch ban điều hành:

#### 2.1.1 Ông Nguyễn Tiến Hải - Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1975
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật kinh tế và quản lý chuyên ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C
- Quá trình công tác:

- + Từ 1997 đến 4/1998: Cán bộ Công ty phần mềm kế toán - Công ty Bảo Việt Bà Rịa - Vũng Tàu;
- + Từ 5/1998 đến 9/1998: Cán bộ Phòng giám định - Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng (Chi nhánh Hà Nội);
- + Từ 10/1998 đến 12/2002: Cán bộ Phòng kế toán, Phòng Kinh doanh Công ty Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 01/2003 đến 10/2006: Phụ trách phòng Kinh doanh Bảo hiểm PJICO;
- + Từ 11/2006 đến 7/2007: Trưởng phòng Tài sản - Bảo Minh Thăng Long;
- + Từ 25/7/2007 đến 23/9/2012: Trưởng Phòng Tài sản kỹ thuật ABIC;
- + Từ 24/9/2012 đến 30/6/2014: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội thuộc ABIC;
- + Từ 01/7/2014 đến 31/05/2019: Phó Tổng Giám đốc ABIC;
- + Từ 01/06/2019 đến nay: Tổng Giám đốc ABIC.

### **2.1.2 Ông Nguyễn Hồng Thái – Phó Tổng giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 29/11/1980
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật kinh tế và quản lý chuyên ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2002 đến 2004: Nhân viên nhân sự Công ty TNHH Bách Sơn Tùng;
  - + Từ 2005 đến 2007: Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty Xuất nhập khẩu & Hợp tác đầu tư - Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc;
  - + Từ 16/6/2007 đến 07/3/2010: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính ABIC;
  - + Từ 08/3/2010 30/6/2014: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính ABIC;
  - + Từ 01/7/2014 đến 31/5/2021: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính ABIC;
  - + Từ 01/6/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc ABIC.

### **2.1.3 Ông Đỗ Minh Hoàng- Phó Tổng giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1966
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm; Cử nhân Luật; Kiểm toán viên nhà nước, chứng chỉ đào tạo các nhà lãnh đạo DNBH,
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc ABIC.
- Kinh nghiệm công tác:
  - + Từ 1990 đến 1994: TP Bảo hiểm Sóc Sơn - Bảo hiểm Hà Nội;
  - + Từ 1994 đến 1996: TP Bảo hiểm Hai Bà Trưng - Bảo Việt Hà Nội;
  - + Từ 1996 đến 1997: Phó phòng Bảo hiểm Phi Hàng Hải - Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 1997 đến 1998: Trưởng đại diện Chi nhánh Bảo Minh Hải Dương;
  - + Từ 1998 đến 2000: Phó phòng Phi Hàng Hải - Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 2000 đến 2004: Trưởng phòng khu vực 8 - Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 2004 đến 2006: Kiểm toán viên Nhà nước - CQ kiểm toán Nhà nước;
  - + Từ 5/2006 đến 5/2007: Chuyên viên Ban trụ bị thành lập ABIC;
  - + Từ 5/2007 đến 18/05/2010: Quyền Tổng giám đốc ABIC;
  - + Từ 18/05/2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc ABIC.

#### **2.1.4 Ông Quách Tá Khang - Phó Tổng giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1964.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông, cao cấp lý luận chính trị.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Kinh nghiệm công tác:
  - + Từ 1988 đến 12/1994: Cán bộ Phòng lao động tiền lương & Phòng kế toán tài vụ - Công ty xây dựng công trình đường thủy 2;
  - + Từ 01/1995 đến 12/1995: Cán bộ Phòng tài chính kế toán - Công ty vận tải xăng dầu đường thủy 1;
  - + Từ 12/1995 đến 3/2000: Trưởng phòng kế toán tổng hợp - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Hải Phòng;
  - + Từ 4/2000 đến 3/2004: Trưởng phòng tài chính kế toán - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex TP.HCM;
  - + Từ 4/2004 đến 9/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
  - + Từ 10/2005 đến 7/2008: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
  - + Từ tháng 7/2008 đến 7/2011: Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.
  - + Từ tháng 7/2011 đến nay giữ chức Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.

#### **2.1.5 Ông Mai Sinh - Phó Tổng giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 20/11/1961
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Quá trình công tác:
  - + Từ 9/1986 đến 11/1989: Cán bộ Công ty Bảo hiểm Hà Nội;
  - + Từ 12/1989 đến 7/1990: Phó phòng Bảo hiểm phương tiện - Bảo Việt Hà Nội;
  - + Từ 8/1990 đến 11/1994: Phó phòng phụ trách Phòng Bảo hiểm phi hàng hải - Bảo Việt Hà Nội;
  - + Từ 12/1994 đến 7/1995: Cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
  - + Từ 8/1995 đến 2/1996: Phó Giám đốc phụ trách phòng Thông tin - Pháp lý và Quan hệ quốc tế - Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
  - + Từ 3/1996 đến 7/1996: Cán bộ Công ty Bảo hiểm TP. Hồ Chí Minh - Bảo Minh Chi nhánh Hà Nội;
  - + Từ 8/1996 đến 12/1997: Phó phòng Phi hàng hải phụ trách bộ phận đại lý - Cộng tác viên - Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 01/1997 đến 8/1998: Trưởng phòng Đại diện bảo hiểm Bảo Minh Nghệ An;
  - + Từ 9/1998 đến 02/1999: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Bảo Minh Nghệ An;
  - + Từ 03/1999 đến 4/2000: Trưởng phòng nghiệp vụ Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 7/2001 đến 12/2004: Trưởng phòng Công nghệ và dịch vụ thông tin - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
  - + Từ 1/2005 đến 4/2005: Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
  - + Từ 4/2005 đến 7/2006: Trưởng văn phòng đại diện Bảo Minh tại Hà Nội;

- + Từ 8/2006 đến 6/2007: Chuyên viên Ban trù bị thành lập ABIC;
- + Từ 6/2007 đến 30/8/2012: Trưởng Phòng Quản lý Đại lý & PTHT ABIC;
- + Từ 1/9/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc ABIC.

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2021

Ngày 01/06/2021 Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hồng Thái giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty

## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

- Nhân sự toàn Công ty tính đến 31/12/2021 là: 739 cán bộ nhân viên.

- Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo doanh thu phí bảo hiểm thực hiện và hiệu quả kinh doanh theo quy định nội bộ về Quỹ thu nhập trong toàn Công ty. Đây là chính sách nền tảng điều chỉnh về cơ chế phân phối tiền lương cho người lao động, gắn việc phân phối tiền lương với kết quả kinh doanh cuối cùng. Ngoài ra, các chế độ BHXH, BHYT, BHTN luôn được đảm bảo đầy đủ đối với người lao động.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: (không có)

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: (Không có)

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
1	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.798.653	1.701.650
2	Doanh thu hoạt động tài chính	124.884	137.695
3	Thu nhập khác	672	1.768
4	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.113.972	991.300
5	Chi phí hoạt động tài chính	32	105
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	469.436	483.123
7	Chi phí khác	16	186
8	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	340.754	366.399
9	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	68.232	73.379
10	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	272.522	293.020

### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020
1.	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	6.41	6.42
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	93.59	93.58
2.	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62.75	65.03
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37.25	34.97
3.	<b>Khả năng thanh toán</b>			



	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.5	1.20
	- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	15.9	15.4
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.5	1.40
<b>4.</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	10.28	12.26
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15.15	17.20
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	22.07	28.04

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### 5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty: 43.157.815 CP mệnh giá 10.000 đồng, trong đó: Cổ phần phổ thông: 43.157.815 CP, cổ phần ưu đãi: (Không có), cổ phần hạn chế chuyển nhượng: (Không có).

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 41.999.615 CP, tổng số cổ phần chưa lưu hành (Cổ phiếu quỹ): 1.158.200 CP.

#### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

##### 5.2.1. Cổ đông lớn:

Tên cổ đông	CP sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN	22,230,000	52.93	
Tổng công ty CP tài BH quốc gia	4,096,000	9.75	
AFC VF LIMITER	2,352,618	5.60	Nước ngoài

##### 5.2.2 Cổ đông Vốn Nhà Nước

- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, địa chỉ số 2 Láng Hạ, Ba Đình- Hà Nội, sở hữu 22,230,000 CP chiếm tỷ lệ 52.93%.

#### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2021 vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 51,578,150,000 đồng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2020 tỷ lệ: 14%/1 cổ phần

Vốn điều lệ đến 31/12/2021: 431,578,150,000 đồng

#### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2020: (không phát sinh)

#### 5.5. Các chứng khoán khác:

(Không có)

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

✓ Vượt qua những khó khăn và thử thách về sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường, gián đoạn kinh doanh do dịch bệnh và giãn cách xã hội, hoạt động kinh doanh trong toàn Công ty vẫn được thông suốt, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng và bảo vệ vốn vay của Agribank.

✓ Một số kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 1.957,3 tỷ đồng đạt 95,1% kế hoạch HĐQT giao, tăng trưởng 2,7% so với 2020 (thị trường BH Phi nhân thọ tăng trưởng 1,7%). Trong đó:

+ Doanh thu phí bảo hiểm qua kênh Banca Agribank đạt 1.504,6 tỷ đồng tăng trưởng âm 2,1% so với năm 2020.

+ Doanh thu ngoài kênh Banca Agribank đạt 452,7 tỷ đồng tăng trưởng 22,6% so với năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 340,8 triệu đồng, hoàn thành 113,6% kế hoạch HĐQT giao.

- Tỷ lệ bồi thường, tỷ lệ quản lý nợ phải thu phí bảo hiểm, tỷ lệ tái tục bảo hiểm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục trong nhiều năm, ABIC đều được xếp nhóm 1A theo khung tiêu chuẩn tại TT 195 của Bộ Tài chính (nhóm có thứ hạng cao nhất trong ngành bảo hiểm).

- Thị phần của ABIC trên thị trường bảo hiểm Phi Nhân thọ đã tăng từ 3.336% năm 2020 lên 3.4% trong năm 2021.

## **2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý**

Đã mở thêm và đưa vào hoạt động Chi nhánh ABIC Thăng Long và ABIC Sài Gòn; thành lập thêm 02 phòng KDKV Vĩnh Phúc và Bình Phước. Tham mưu ban lãnh đạo Công ty sắp xếp lại địa bàn tại ABIC TP.HCM và ABIC Hà Nội, từng bước hoàn thiện mạng lưới, bộ máy quản lý toàn hệ thống, là tiền đề cho sự phát triển ngày càng lớn mạnh của ABIC, đáp ứng được nhu cầu phát triển, mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng phục vụ sau bán hàng của Công ty.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin đã được Công ty từng bước phát triển đã nâng cao được hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp. Năm 2021 Công ty đã tập trung ứng dụng số hóa trong các quy trình tác nghiệp phát triển các ứng dụng cấp đơn, giải quyết bồi thường, theo dõi giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh.

## **3. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

### **3.1. Mục tiêu định hướng kinh doanh năm 2022**

- Doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng tối thiểu 8.0% so với năm 2021

- Lợi nhuận trước thuế tối thiểu đạt: 310 tỷ đồng

- Cổ tức chi trả phần đầu đạt 14%/1 cổ phần

### **3.2. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Tiếp tục khai thác thị trường truyền thống, tập trung nguồn lực phát triển mô hình kênh phân phối Bancassurance, lấy khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân làm thị trường chủ đạo.

Mục tiêu chiến lược là đưa ABIC trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm có uy tín về chất lượng và phong cách phục vụ khách hàng, chuyên nghiệp trong công tác giám định tổn thất, giải quyết khiếu nại, chi trả tiền bồi thường thuận lợi, minh bạch, nhanh chóng và chính xác. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích của khách hàng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với Công ty Cổ phần)**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

- Ban Tổng Giám đốc công ty gồm 5 thành viên (Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng Giám đốc, trong đó 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực phía Nam), các thành viên

đã thực hiện tốt việc phân công công việc, phân cấp và uỷ quyền đảm bảo điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, bao quát toàn bộ các Chi nhánh theo khu vực địa lý.

- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Công ty tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT Công ty, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thực tiễn hoạt động kinh doanh để có quyết định điều chỉnh phù hợp.

Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ Công ty và theo đúng định hướng của HĐQT, thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch kinh doanh do HĐQT giao.

## **2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Tiếp tục kiên định mục tiêu kinh doanh, theo đó mang lại giá trị ngày càng lớn hơn cho Agribank và cổ đông; duy trì đảm bảo quyền lợi của CBNV và người lao động; tuân thủ pháp luật;

- Triển khai vững chắc, có hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược phát triển ABIC giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 đã được ĐHĐCĐ quyết nghị;

- HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 các nội dung cần được thông qua và phê duyệt thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu của Đề án chiến lược trong kế hoạch kinh doanh năm 2022;

- Ban hành Quy chế, quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ toàn hệ thống, các Quy chế, quy định về quản lý, kiểm soát rủi ro; tăng cường hoạt động giám sát để nâng cao tính an toàn, hiệu quả trong mọi mặt hoạt động;

- Chỉ đạo xây dựng dự thảo Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị điều hành để trình ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất; Rà soát, bổ sung và ban hành mới hệ thống Quy chế về quản trị, điều hành nhằm tuân thủ các quy định thay đổi của Pháp luật và đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh;

- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống các cơ chế kinh doanh của ABIC đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong điều kiện mới;

- Tiếp tục phát triển bộ máy tổ chức và mạng lưới thông qua việc thành lập mới các chi nhánh/phòng kinh doanh khu vực tại những địa bàn đủ điều kiện;

- Xây dựng cơ chế phát triển nguồn nhân sự có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành và thực tiễn hoạt động kinh doanh trong thời kỳ mới. Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh, chức vụ; Kiện toàn, bổ sung nhân sự ở các cấp quản lý;

- Thực hiện vai trò giám sát và hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động kinh doanh theo chức năng của HĐQT;

- Thực hiện đầu tư xây mới/sửa chữa/mua sắm trụ sở các chi nhánh, trang bị phương tiện, công cụ làm việc cho các đơn vị hướng tới nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc;

- HĐQT phối hợp và hỗ trợ để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an toàn hoạt động của Công ty theo Điều lệ hiện hành;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục xây dựng và phát triển thêm các sản phẩm mới để từng bước giảm sự mất cân đối về tỷ trọng doanh thu giữa các nhóm sản phẩm. Xây dựng kênh phân phối tại các tổ chức tín dụng khác, kênh phân phối online;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh;

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của HĐQT theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân của thành viên HĐQT.

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ CP (%)	Ghi chú
1	Phạm Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	0,00	
2	Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	0,158	
3	Đặng Văn Liễu	Thành viên HĐQT	0,031	Kiểm GD CN
4	Dương Văn Thành	Thành viên HĐQT	0,00	
5	Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT chuyên trách	0,00	

#### 1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

- Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ;
- Ban quản lý rủi ro.

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

##### 1.3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Phạm Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	Tham gia từ ngày 01/06/2020	4/4	100%	
2	Nguyễn Tiến Hải	Thành viên	Tham gia từ ngày 01/06/2019	4/4	100%	
3	Lê Hồng Quân	Thành viên chuyên trách	Tham gia từ ngày 12/10/2015	4/4	100%	
4	Dương Văn Thành	Thành viên	Tham gia từ ngày 31/12/2012	4/4	100%	
5	Đặng Văn Liễu	Thành viên	Tham gia từ ngày 20/7/2016	4/4	100%	

### **1.3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:**

ABIC thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT với Tổng Giám đốc theo đúng các quy định của pháp luật, cụ thể như:

HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hoạt động giám sát của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo các cách thức khác nhau như:

- Thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn giữa HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc;

- Thông qua các báo cáo chi tiết đầy đủ, kịp thời của Tổng Giám đốc về tiến độ thực hiện, những khó khăn vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý;

- Thông qua Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT, phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc;

- Các văn bản do Ban Tổng Giám đốc ban hành liên quan đến nhân sự, cơ chế kinh doanh, quản lý rủi ro hoạt động... đều được gửi đến các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty;

- Hàng tháng các thành viên Ban Tổng Giám đốc trực tiếp báo cáo kết quả công việc với Chủ tịch HĐQT tại Hội nghị giao ban;

- Các thành viên HĐQT chủ động thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát trong phạm vi được phân công, thực hiện các hoạt động hỗ trợ các đơn vị chi nhánh. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT được báo cáo với HĐQT tại các kỳ họp.

### **1.3.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

*(Công ty không có thành viên HĐQT độc lập)*

**1.3.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm.**

*(Không có)*

## **2. Ban kiểm soát**

### **2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên trong đó có 1 Trưởng ban chuyên trách, 1 thành viên chuyên trách và 1 thành viên không chuyên trách.

**2.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành**

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP (%)	Ghi chú
1	Trương Đình Cảnh	Trưởng BKS	0,005	
2	Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên chuyên trách BKS	0,001	
3	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên BKS	0,000	

### **2.3. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Căn cứ theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp; Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức.
- Năm 2021 Ban kiểm soát đã tổ chức họp 3 lần cụ thể như sau:
  - ✓ Ngày 24/03/2021 Ban kiểm soát họp:
    - + Thông báo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp năm 2020.
    - + Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.
    - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên kiểm tra, giám sát và chuẩn bị cho Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
    - + Chuẩn bị chương trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát sau Đại hội cổ đông thường niên 2021.
    - + Thảo luận và thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ABIC trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
    - + Các thành viên Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên.
  - ✓ Ngày 30/03/2021 Ban kiểm soát họp:
    - + Thông qua kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát.
    - + Thông qua dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2020; Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty năm 2020.
    - + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2020.
    - + Thông qua dự thảo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020.
    - + Lập báo cáo của Ban kiểm soát phục vụ công tác lập báo cáo thường niên 2021.
    - + Thông qua nội dung tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán, tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính ABIC năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông.
    - + Thông qua nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ABIC, tờ trình Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ABIC trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
    - + Triển khai chương trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát sau Đại hội đồng cổ đông 2021.
    - + Triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại một số đơn vị trực thuộc ABIC.
    - + Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông thường niên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- ✓ Ngày 10/12/2021 Ban kiểm soát họp:
  - + Đánh giá sơ bộ tình hình hoạt động kinh doanh công ty đến thời điểm 30/11/2021. Dự báo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021.
  - + Đánh giá sơ bộ hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong 11 tháng năm 2021.

+ Triển khai công tác xây dựng kế hoạch hoạt động và công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2022.

+ Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc giám sát công tác quyết toán tài chính năm 2021 và chuẩn bị cho việc lập báo cáo giám sát của Ban kiểm soát cho năm tài chính 2021, Báo cáo tại đại hội cổ đông năm 2022.

- Trong kỳ Ban kiểm soát đã:

+ Tham gia các hội nghị sơ kết, tổng kết và theo dõi các phong trào thi đua do công ty và các chi nhánh trực thuộc phát động.

+ Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2021.

+ Tổ chức giám sát trực tuyến hoạt động của các chi nhánh trực thuộc và toàn công ty trong năm 2021.

+ Tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt tình hình triển khai công tác kinh doanh của toàn công ty.

+ Phối hợp và kết hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Các ban, phòng nghiệp vụ Trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc trong quá trình kiểm tra giám sát để hoàn thành nhiệm vụ.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Đơn vị: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Tiền lương	Thù lao
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>				
1	Phạm Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	12		168.000.000
2	Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT kiêm TGD	12	1.065.600.000	
3	Lê Hồng Quân	TV chuyên trách	12	1.008.000.000	
4	Dương Văn Thành	Thành viên	12		144.000.000
5	Đặng Văn Liễu	Thành viên kiêm GD CN	12	975.844.385	
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Trương Đình Cảnh	Trưởng ban	12	1.008.000.000	
2	Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên chuyên trách	12	705.600.000	
3	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	12		60.000.000
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>				
1	Đỗ Minh Hoàng	Phó TGD	12	1.008.000.000	
2	Mai Sinh	Phó TGD	12	1.008.000.000	

3	Quách Tá Khang	Phó TGD kiêm GD CN	12	1.255.409.498	
4	Nguyễn Hồng Thái	Phó TGD	7	559.440.000	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>8.593.893.883</b>	<b>312.000.000</b>

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ công ty năm 2021

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2020	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2021	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	Nguyễn Tiến Hải	TV HĐQT/Tổng Giám đốc	60,000	68,400	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Vũ Thúy Hạnh	Vợ ông Nguyễn Tiến Hải	17,000	2,380	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Đặng Văn Liễu	TV HĐQT	11,600	13,224	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Trương Đình Cảnh	Trưởng Ban KS	1,900	2,166	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Nguyễn Ngọc Kiên	TV Ban KS	500	570	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Nguyễn Thị Ánh	Chị gái Ông Nguyễn Ngọc Kiên	6,000	6,840	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Mai Sinh	Phó TGD	40,000	0	Bán
8	Quách Tá Khang	Phó TGD	33,390	38,064	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Đỗ Minh Hoàng	Phó TGD	5,000	5,700	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Hà Thị Mai Lan	Vợ ông Đỗ Minh Hoàng	115,000	29,586	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Nguyễn Hồng Thái	Phó TGD	50	57	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
12	Nguyễn Sinh Phương	TB KTKSNB	31,610	11	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13	Nguyễn Sinh Hùng	Em trai ông Nguyễn Sinh Phương	100	0	Bán

3.3 Không còn là người nội bộ Công ty (Không phát sinh)

3.4 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Không phát sinh)

## VI. Báo cáo tài chính



## 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

### 2.1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.102.841.682.562</b>	<b>2.795.889.933.406</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>57.199.234.743</b>	<b>58.478.480.507</b>
111	1. Tiền		57.199.234.743	58.478.480.507
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>2.514.247.291.700</b>	<b>2.282.747.291.700</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.514.247.291.700	2.282.747.291.700
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>145.332.192.826</b>	<b>97.982.678.971</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		91.437.799.337	34.706.653.861
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		91.437.799.337	34.706.653.861
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.245.681.687	2.798.116.101
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		56.791.895.740	64.758.692.590
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.143.183.938)	(4.280.783.581)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>3.464.795.860</b>	<b>1.783.614.998</b>
141	1. Hàng tồn kho		3.464.795.860	1.783.614.998
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>222.090.156.711</b>	<b>213.726.853.312</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		222.090.156.711	213.726.853.312
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	<b>7</b>	214.532.027.983	208.535.290.139
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		7.558.128.728	5.191.563.173
190	<b>VI. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>16.2</b>	<b>160.508.010.722</b>	<b>141.171.013.918</b>
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		65.184.725.162	50.285.218.428
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		95.323.285.560	90.885.795.490

<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>212.389.904.636</b>	<b>191.917.020.356</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.726.416.513</b>	<b>7.655.966.096</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		7.726.416.513	7.655.966.096
216.1	1.1. Ký quỹ bảo hiểm	8	6.000.000.000	6.000.000.000
216.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		1.726.416.513	1.655.966.096
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>139.534.040.321</b>	<b>132.105.841.027</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	79.486.458.213	72.014.527.715
222	- Nguyên giá		150.311.562.749	133.729.110.270
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(70.825.104.536)	(61.714.582.555)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	60.047.582.108	60.091.313.312
228	- Nguyên giá		65.634.778.877	65.634.778.877
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.587.196.769)	(5.543.465.565)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>52.500.058.302</b>	<b>44.500.058.302</b>
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	52.500.058.302	44.500.058.302
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.629.389.500</b>	<b>7.655.154.931</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.629.389.500	7.655.154.931
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.315.231.587.198</b>	<b>2.987.806.953.762</b>
<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.080.353.667.677</b>	<b>1.942.926.989.138</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.080.353.667.677</b>	<b>1.942.926.989.138</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	140.418.001.423	91.418.208.673
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		137.133.278.802	91.307.874.457
311.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		3.284.722.621	110.334.216
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.551.180.935	22.714.581.006
314	3. Phải trả người lao động		79.000.602.700	81.057.084.514
318.1	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		27.851.330.828	25.804.354.034
318.2	5. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	14	15.511.378.172	13.377.573.305
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.743.065.465	16.580.362.282
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		88.370.536.322	83.103.116.054
329	8. Dự phòng nghiệp vụ	16.1	1.710.907.571.832	1.608.871.709.270
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.2.1	1.308.712.954.645	1.231.679.610.241

329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.2.2	260.972.564.476	254.303.387.815
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	16.3	141.222.052.711	122.888.711.214
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.234.877.919.521</b>	<b>1.044.879.964.624</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>1.234.877.919.521</b>	<b>1.044.879.964.624</b>
411	1. Vốn cổ phần		431.578.150.000	380.000.000.000
411a	1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		431.578.150.000	380.000.000.000
412	1. Thặng dư vốn cổ phần		12.000.000.000	12.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		336.733.188.964	248.833.188.964
419	4. Quỹ dự trữ bắt buộc		43.157.815.000	38.000.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		425.307.165.557	379.945.175.660
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.315.231.587.198</b>	<b>2.987.806.953.762</b>

## 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.798.652.767.423	1.701.650.461.058
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	124.883.963.987	137.694.852.955
13	3. Thu nhập khác	672.496.543	1.768.272.481
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.113.972.129.941	991.300.210.172
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	31.506.824	105.357.132
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	469.435.540.352	483.123.042.323
24	7. Chi phí khác	16.081.642	186.034.928
<b>50</b>	<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>340.753.969.194</b>	<b>366.398.941.939</b>
<b>51</b>	<b>9. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>68.231.798.201</b>	<b>73.379.018.089</b>
<b>60</b>	<b>11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>272.522.170.993</b>	<b>293.019.923.850</b>

## 2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.942.112.999.049	1.907.972.714.011
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.325.952.023.707)	(1.196.832.766.402)

3	3. Tiền chi trả cho người lao động		(237.356.962.837)	(234.484.191.735)
4	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(85.463.672.756)	(68.239.066.359)
5	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.516.458.389	13.223.335.550
6	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(171.863.897.816)	(123.503.544.122)
20	<b>Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>136.992.900.322</b>	<b>298.136.480.943</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(17.158.957.024)	(18.148.669.866)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		200.454.545	1.260.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(995.500.000.000)	(860.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		756.000.000.000	531.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		133.395.236.393	133.981.075.786
30	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(123.063.266.086)</b>	<b>(211.907.594.080)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.208.880.000)	(75.444.800.000)
40	<b>Tiền sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(15.208.880.000)</b>	<b>(75.444.800.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>		<b>(1.279.245.764)</b>	<b>10.784.086.863</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>58.478.480.507</b>	<b>47.694.393.644</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	4	<b>57.199.234.743</b>	<b>58.478.480.507</b>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

**Nơi nhận:**

- Ủy ban chứng khoán NN (để b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/c);
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Trưởng Ban kiểm soát (để b/c);
- Các Phó TGĐ (để biết);
- Lưu TCHC, ĐTV.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Tiến Hải*